

VÀI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1963-1967

Tóm tắt: Bài viết này nhằm mục đích khảo cứu lại những hoạt động chính trị của những người Công giáo ở miền Nam Việt Nam trong những năm có nhiều biến động, từ cuối năm 1963 đến đầu năm 1967. Bài viết chia hai phần. Phần đầu trình bày những khía cạnh có tính chất nguồn gốc của những hành động chính trị Công giáo giai đoạn 1963-1967. Sự kiện chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ vào cuối 1963 đã tạo ra một sự khủng hoảng trong nhiều người Công giáo miền Nam gốc Bắc. Sự khủng hoảng đó đã khiến họ hành động và tham gia vào chính trị như một sự tự vệ và cũng nhằm để níu kéo những gì đã vụt mất trong thời kỳ Đệ nhất Cộng hòa tại miền Nam. Phần thứ hai trình bày về một số xu hướng và cách thức người Công giáo tham gia chính trị. Qua các nguồn tài liệu lưu trữ, tài liệu thứ cấp và bằng cách tiếp cận sử học tôn giáo, bài viết sẽ cho chúng ta thấy những chi tiết thú vị về chuỗi những sự kiện đặc biệt này. Qua đó người đọc sẽ rõ hơn những hạn chế, động cơ và hệ quả từ việc tham gia chính trị của người Công giáo ở một giai đoạn lịch sử đặc biệt với nhiều biến động.

Từ khóa: Công giáo; chính trị; miền Nam; Việt Nam; 1963-1967.

Dẫn nhập

Vào mùa hè năm 1954 cho đến tháng 9/1955, trong vòng khoảng 360 ngày, đã có 860.206 người miền Bắc Việt Nam vượt vĩ tuyến 17 ở Quảng Trị để vào vùng đất phía Nam bên kia chiến tuyến. Trong đó số

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Bài viết là một phần nội dung nghiên cứu của đề tài cấp Bộ niên khóa 2021-2022: *Người Công giáo Việt Nam giai đoạn 1954-1975* do TS. Ngô Quốc Đông làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Tôn giáo là cơ quan chủ trì.
Ngày nhận bài: 20/4/2022; Ngày biên tập: 20/5/2022; Duyệt đăng: 25/8/2022.

đó, có 676.348 người Công giáo [Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Hồ sơ: 4410]. Họ ra đi vì những nguyên nhân chính trị và đặc biệt là vì lý do tôn giáo. Phía Mỹ, Pháp đã hậu thuẫn tích cực cho sự kiện di cư này. Phần lớn người Công giáo rời bỏ quê hương, nhà cửa, làng mạc đều vì đức tin của họ. Họ lo sợ về một chế độ miền Bắc Cộng sản hà khắc mà các tuyên truyền tâm lý chiến từ phía lực lượng đối lập với Chính phủ Cụ Hồ đã mô tả cho họ nhiều lần trước đó. Những viễn cảnh được đưa ra cảnh báo họ về một sự mất đạo, không được cứu rỗi linh hồn, không được đi nhà thờ, không gia đình, không tài sản nếu ở lại với chế độ do những người Cộng sản cách mạng miền Bắc lãnh đạo. Thêm nữa, việc thành lập những “khu tự trị” của Công giáo vùng giáo phận Bùi Chu, Phát Diệm từ cuối năm 1949 đã đẩy nhiều người Công giáo vào thế đối lập với kháng chiến của lực lượng Việt Minh. Hành động này đã khiến cho nhiều chức sắc, giáo dân không đủ tự tin ở lại. Các giám mục, linh mục là những người đứng đầu các cộng đồng Công giáo di cư đã tiên phong di cư kéo theo nhiều tín đồ cùng đi. Các tài liệu di cư cho thấy một tâm lý chung là “cha xứ đi đâu thì con chiên sẽ theo tới đó.” Bởi vậy có cả những người tham gia di cư vì tâm lý đám đông. Ra đi dường như là quyết định duy nhất của nhiều người Công giáo khi đó. Có những trẻ em được mang theo di tản mà chưa hề có nhận thức gì về lý do chính trị của sự kiện này.

Vào miền Nam, những người Công giáo di cư được tập hợp và trợ giúp bởi Ngô Đình Diệm, người mới lên nắm chính phủ Quốc gia. Ông Ngô Đình Diệm được cho là người không ưa Quốc Trưởng Bảo Đại, vì Quốc trưởng dựa vào Pháp. Đặc biệt ông Diệm là tín đồ Công giáo và mang một ý chí chống Cộng cũng như bài thực dân Pháp mạnh mẽ. Sự liên kết giữa ông Diệm và những người Công giáo di cư là ở chỗ: Khối Công giáo di cư không chỉ mang theo quân số và thói quen sinh hoạt tôn giáo vào Nam, họ mang theo cả tư tưởng sợ Cộng sản và bài Cộng sản vào đó. Bởi vậy, cuộc gặp gỡ lý tưởng chung giữa ông Diệm và những người Công giáo di cư này dường như là một định mệnh lịch sử. Tất nhiên một số nghiên cứu sau này cũng chỉ ra rằng sự kết hợp này có sự sắp đặt chủ ý của Mỹ. Trước khi nổi lên với vai trò Thủ tướng, ông Diệm hầu như không được biết đến trong diễn đàn chính trị miền Nam. Số người ủng hộ ông lại càng ít, do đó việc sắp đặt một lực lượng tôn giáo với tổ chức, kỷ luật chặt chẽ cùng chung

tin thần chống Cộng sản đã đem đến cho ông Diệm một lực lượng hậu thuẫn mà một chính khách như ông đang thiếu.

Trong khi chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa miền Bắc đang bàn thảo về các điều khoản của Hiệp định Genève ở Thụy Sĩ thì vào ngày 07/7/1954, tại miền Nam, Ngô Đình Diệm lập chính phủ mới với sự hậu thuẫn của Mỹ. Mục đích của ông Diệm là giành quyền độc lập từ tay thực dân Pháp và quy tụ những thành phần ủng hộ ông để tạo một nội các mới chống Cộng sản. Chính phủ ông Diệm thành lập đúng vào lúc thế lực của thực dân Pháp còn mạnh ở miền Nam. Do đó, ông Diệm đã phải cố gắng rất nhiều để giành quyền lực chính trị về tay mình. Một mặt, ông Diệm phải đương đầu với các giáo phái do Pháp vũ trang, mặt khác phải tìm cách loại trừ ảnh hưởng của Bảo Đại cũng như các thành phần thân Pháp của chính phủ tiền nhiệm trước ông. Tuy nhiên với sự hậu thuẫn của Mỹ, cùng sự ủng hộ của khối Công giáo di cư, cuối cùng Ngô Đình Diệm đã tạo ra một chính phủ thống nhất theo đuổi lập trường chống Cộng sản, đồng thời loại trừ dần ảnh hưởng của thực dân Pháp tại miền Nam. Ngô Đình Diệm tìm cách phế truất Bảo Đại qua cuộc trưng cầu dân ý vào năm 1955. Sau đó Ngô Đình Diệm lên làm Quốc trưởng, bầu cử Quốc hội và ban hành Hiến pháp đổi tên Quốc gia Việt Nam thành Việt Nam Cộng hòa. Chính thể Việt Nam Cộng hòa được thành lập vào ngày 26/10/1955 và sau đó ông được bầu làm Tổng thống nền Đệ Nhất Cộng hòa Việt Nam. Trong ứng xử với chính quyền miền Bắc, Ngô Đình Diệm đã tuyên bố không thương lượng với chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để tiến tới hiệp thương thống nhất đất nước theo Hiệp định Genève. Sự chuyển hướng chính trị này của Ngô Đình Diệm đã kéo theo chia cắt và chiến tranh ở Việt Nam thêm hai mươi năm.

Để đáp lại sự ủng hộ của người Công giáo, nhất là những người di cư, ông Diệm đã có nhiều ưu đãi với Công giáo. Khối Công giáo, nhất là những người di cư đã trở thành một lực lượng đáng kể trong xã hội miền Nam. Thời kỳ ông Diệm nắm quyền, nhiều công trình Công giáo cũng được xây dựng, nhiều người Công giáo được trọng dụng trong ngạch hành chính và quân đội [TTLTQG II, HS: 21763]. Sự ưu đãi đến cuối thời kỳ đã làm cho người ta thấy rằng rõ ràng có một sự phân biệt, kỳ thị, bất bình đẳng tôn giáo trong ứng xử của chính quyền ông Diệm. Và sự kiện đảo chính ngày 01/11/1963 được cho là có nguyên

nhân từ tôn giáo, lý do mọi người đều thấy rõ là do sự kỳ thị Phật giáo của chính phủ Diệm.

1. Sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm và những tác động tới người Công giáo

Bản thân ông Diệm cũng là người sùng đạo. Điều này càng làm gắn chặt thêm niềm tin của người Công giáo di cư vào một chế độ chống Cộng sản mà ông theo đuổi. Nếu như người ta tìm yếu tố tôn giáo trong bộ máy hành chính thời ông Diệm thì sẽ thấy phần lớn các sĩ quan quân đội hay nhân viên chủ chốt trong bộ máy công quyền ghi danh là người Công giáo [TTLTQG II, HS: 21763]. Bởi vậy, trong thời kỳ Đệ Nhất Cộng hòa tại miền Nam (1955-1963) dường như người ta thấy nổi bật hơn trong bức tranh đa dạng tôn giáo nơi đây sự hiện diện của Công giáo, cho dù Công giáo không phải là tôn giáo lớn nhất tại miền Nam. Thời kỳ này, nhiều cuộc lễ lớn tại nhà thờ Đức Bà Sài Gòn mà có sự hiện diện nhiều thành phần trong nội các chính phủ cũng như Tổng thống và phu nhân [TTLTQG II, HS: 17906]. Người ta có cảm giác Công giáo được bảo vệ an toàn bởi chính quyền tổng thống Ngô Đình Diệm.

Dù vậy sự tự do nào cũng có giới hạn. Sự ưu đãi của chính quyền ông Diệm với người Công giáo cũng có cái giá của riêng nó. Tuy người Công giáo, nhất là các thành phần di cư gốc Bắc ở khu vực Bùi Chu, Phát Diệm đặc biệt về mặt chính trị nhưng dường như không tạo lập được một xã hội Công giáo. Có nghĩa là họ luôn có khoảng cách với các tôn giáo khác, thậm chí họ bị phân biệt bởi cả nhóm đồng đạo miền Nam. Dường như cái phô trương, hay ồn ào về mặt chính trị qua việc ủng hộ ông Diệm lại làm cho nhiều người Công giáo di cư cảm thấy bị cô lập và khó được đón nhận bởi các thành phần cư dân khác trong xã hội. Bản thân ông Diệm cũng chỉ cho phép người Công giáo tự do trong việc phô trương thanh thế và ủng hộ ông. Trên thực tế, cá nhân ông và chính quyền của ông rất kiểm soát những hành động chính trị của người Công giáo. Bằng chứng là vào năm 1956 linh mục Nguyễn Văn Thu thành lập tờ báo mang tên *Đường Sống*. Ngay những số đầu *Đường Sống* đã có ý kiến góp ý với chính sách của ông Diệm. Chỉ vài tháng sau tờ báo bị đình bản. Vào năm 1957, linh mục Hồ Văn Vui, chính xứ nhà thờ Đức Bà, người có ảnh hưởng tới khối Công giáo gốc miền Nam đã bị chuyển đi ra họ đạo Tha La vùng biên giới xa xôi

giáp Campuchia sau khi có bài giảng bị mật thám báo lại cho chính quyền ông Diệm rằng “những lời của linh mục này giảng có tính chất phá rối cuộc trị an”. Trước đó vào tháng 02/1957, linh mục Vui đã bị công an tới nhà điều tra vì một bài giảng liên quan đến chỉ trích việc bầu cử đại biểu quốc hội [Nguyễn Nghị, 1997: 50]. Sau này nhận định của nhóm trí thức Công giáo tại miền Nam khi bình luận về thái độ của người Công giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm cho rằng: Thời ông Diệm, dù đa số người Công giáo ủng hộ ông nhưng vẫn có những thành phần đối lập, thường họ phản ứng ở dạng phê bình, chỉ trích về mặt lý thuyết và đường lối điều hành của ông Diệm [TTLTQG II, HS: 4410]

Bởi vậy dù tự do, ủng hộ lập trường chống Cộng sản của Ngô Đình Diệm nhưng nhiều người Công giáo bị đóng khung trong giới hạn của tự do chính trị hay bày tỏ lập trường. Trên thực tế sự nắm quyền chính trị của ông Diệm đã làm thỏa mãn giấc mơ của nhiều người Công giáo về một “ông vua” người Công giáo, chống Pháp, chống Cộng sản và đem lại sự ưu ái, tự do cho người Công giáo. Cũng phải nhấn mạnh thêm rằng, không phải sự im lặng hay thái độ ủng hộ ông Diệm là những lựa chọn của tất cả người Công giáo miền Nam khi đó. Từ cuối thời ông Diệm, trong số những người Công giáo miền Nam đã xuất hiện những tiếng nói phản biện về chính quyền hiện tại, về những gì mà chính quyền đó ứng xử với Công giáo. Người ta có thể thấy những nhen nhóm này ở nhóm Sống Đạo hay các tập trong bộ Nhận Định của giáo sư Triết học người Công giáo Nguyễn Văn Trung.

Trong thời ông Diệm cầm quyền, người ta cũng có thể hỏi vai trò của Hàng giáo phẩm như thế nào trong việc định hướng người Công giáo sống đạo và có một thái độ chính trị cho đúng với tinh thần Phúc Âm trong bối cảnh hiện thời lúc đó? Khách quan mà nói, Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam mãi tới cuối năm 1960 mới được thành lập và khi đó Công đồng Vatican II chưa họp. Hơn nữa vai trò của giám mục Ngô Đình Thục, anh ruột của ông Diệm cũng có ảnh hưởng rất lớn trong việc ủng hộ người em trai mình về mặt chính trị. Cuối thời Diệm, giám mục Ngô Đình Thục trở thành Tổng giám mục Tổng giáo phận Huế. Bởi vậy có thể nói, khi ông Diệm nắm quyền, vai trò của Hàng giáo phẩm Công giáo miền Nam chưa thực sự lớn trong việc định hướng người giáo dân sống đạo và bày tỏ lập trường chính trị như giai đoạn sau này.

Đã từ lâu, trong lòng Chính quyền Ngô Đình Diệm luôn có những thế lực sẵn sàng thực hiện đảo chính khi có thời cơ thuận lợi. Được Chính phủ Mỹ bật đèn xanh, đầu tháng 4/1963, lực lượng phản đối gia đình Ngô Đình Diệm mà đứng đầu là Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Kim, Trần Văn Đôn... đã gặp gỡ, bàn thảo và âm mưu tiến hành một cuộc đảo chính lật đổ anh em họ Ngô. Tuy nhiên, để thực hiện được âm mưu này, họ cũng phải tìm ra cho mình một cái cớ thích hợp. Lực lượng này biết rõ rằng Chính quyền Ngô Đình Diệm được lòng những người Công giáo, nhất là Công giáo di dân rất ủng hộ, và ngược lại anh em Ngô Đình Diệm cũng có mối quan hệ, lợi ích rất khăng khít với những người Công giáo. Trong khi đó, tại miền Nam, trong khoảng mười lăm triệu người dân thì Phật giáo chiếm gần mười một triệu người với khoảng bốn triệu người hành đạo, số còn lại thờ cúng ông bà và có thiên hướng ủng hộ và theo Phật giáo. Giữa Phật giáo và Công giáo trong bản thân chính quyền Ngô Đình Diệm đã có sự phân biệt đối xử. Ở nhiều nơi, Phật giáo bị chính quyền đàn áp vì cho rằng đó là lực lượng ủng hộ và theo Cộng sản. Lợi dụng mâu thuẫn này, những người chủ xướng đảo chính đã cài bẫy và đẩy Chính quyền Ngô Đình Diệm đi đến việc quyết định đàn áp các lực lượng Phật giáo vào đầu tháng 5/1963. Chính quyết định nôn nóng và sai lầm của Ngô Đình Diệm dẫn đến sự nổi dậy của đông đảo tín đồ Phật giáo miền Nam chống lại sự đàn áp của chính quyền họ Ngô và cũng là hồi chuông báo trước sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền này [TTLTQG II, 2017: 374-375].

Sự kiện đảo chính ngày 01/11/1963, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm được cho là hậu quả của việc kỳ thị Phật giáo. Có thể đây chỉ là nguyên do dẫn đến cái chết của anh em Ngô Đình Diệm. Đúng hơn nó là cái kết của một chính sách độc tài và kiểm soát dẫn đến sự bất bình giữa các nhóm phái chính trị và tôn giáo ở miền Nam. Cũng có ý kiến cho rằng sự kiện cuối năm 1963 có sự can dự của tình báo Mỹ (CIA). Phía Mỹ, họ cảm thấy chính quyền ông Diệm mà họ ủng hộ không đáp ứng kỳ vọng cho những ý đồ chính trị. Bởi vậy, họ phải tìm một nhà cầm quyền khác đáp ứng yêu cầu ngăn chặn sự ảnh hưởng của chủ nghĩa Cộng sản xuống miền Nam Việt Nam và mở rộng thêm sự ảnh hưởng của thế giới tư bản mà đứng đầu là Mỹ. Sự sụp đổ của

chính quyền họ Ngô năm 1963 đã làm thỏa mãn những phe phái chính trị, những tôn giáo đối lập với Công giáo. Riêng với nhiều người tín hữu, nhất là khối Công giáo di cư, dường như họ rơi vào trạng thái khủng hoảng sau chính biến này vì mất bệ đỡ chính trị.

Trước hết nhiều người Công giáo thấy họ mất đi những ưu đãi của chế độ và sau đó họ cảm thấy là đối tượng của một cuộc thanh trừng sau đảo chính. Các tài liệu lưu trữ khi ấy cho biết có những cuộc truy bắt của chính phủ mới với những phần tử của Đảng Cần Lao, vốn là một Đảng chính trị trụ cột của chính phủ ông Diệm trước 1963, được xây dựng trên học thuyết Nhân vị của Công giáo. Người ta cũng thấy các cuộc đốt phá những làng Công giáo ở bên kia sông Sài Gòn, phía Thủ Đức. Cùng với đó, sau đảo chính, nhiều cuộc tịch biên tài sản của Ngô Đình Diệm và gia đình được diễn ra liên tục [TTLTQG II, HS: 28551]

Việc ủng hộ và theo đuổi một lập trường chống Cộng sản là thái độ chính trị phổ biến của nhiều người Công giáo miền Nam trước năm 1963. Tuy nhiên từ sau sự kiện đảo chính này, những phần tử trung thành và những thành phần nòng cốt trong những người Công giáo ủng hộ ông Diệm cảm thấy lập trường chính trị mà họ đồng hành cùng chế độ bị sao nhãng và phai nhạt. Sự hời hợt trong lý tưởng chống Cộng sản trong chính phủ miền Nam sau đảo chính đã làm những thành phần cốt cán ủng hộ ông Diệm cảm thấy bị hụt hẫng. Họ cho rằng chính phủ sau khi ông Diệm bị lật đổ trở lên yếu kém, dao động với lập trường này so với trước đó. Đây cũng là lý do mà các phong trào chính trị của người Công giáo nở rộ từ sau sự kiện 1963 kéo dài cho đến đầu năm 1967, thời điểm chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ban hành Hiến pháp, thiết lập thời kỳ Đệ nhị Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1967-1975).

Một điều mà nhiều người Công giáo miền Nam phải đối diện sau sự kiện 1963 là họ bị rơi vào những cảm giác bất bình đẳng tôn giáo. Trước đây, người Công giáo giữ vai trò chính trị chủ chốt ở miền Nam thì nay không còn là sân chơi duy nhất của họ. Phật giáo đã trở thành một lực lượng chính trị nổi lên, được dư luận miền Nam và quốc tế biết đến sau một loạt vụ việc tự thiêu và phản ứng với chính sách của ông Diệm từ giữa và cuối năm 1963. Phật giáo cũng được xem là

nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của ông Diệm. Dù gì thì Công giáo vẫn chỉ chiếm khoảng 10% dân số miền Nam. Tỷ lệ phần lớn dân chúng vẫn là Phật giáo và những người cảm tình với Phật giáo. Bởi vậy khi Phật giáo kích hoạt tinh thần Phật tử phản đối chính sách qua nhiều vụ tuyệt thực, biểu tình đường phố đã tạo ra những làn sóng áp lực mạnh mẽ lên chính phủ sau thời Diệm. Sự nổi lên của Phật giáo trong diễn đàn chính trị miền Nam sau 1963 đã làm cho người Công giáo cảm thấy lép vế và đôi khi họ bị kỳ thị, phân biệt đối xử. Sau sự kiện 1963, Phật giáo bị Công giáo coi như một đối thủ chính trị trong việc tạo ảnh hưởng, tạo dựng quyền lực với các chính thể miền Nam Việt Nam [TTLTQG II, HS: 4140]

2. Hoạt động chính trị của người Công giáo năm 1963-1967

Giai đoạn từ sau đảo chính 01/11/1963 cho đến hết năm 1966 là thời kỳ khủng hoảng và xáo trộn chính trị ở miền Nam Việt Nam. Có rất nhiều chính phủ được lập lên bởi Hội đồng quân nhân cách mạng hay Ủy ban quân quản quốc gia. Tuy nhiên trong giai đoạn 1964-1965 từ chính phủ của tướng Trần Văn Hương, Nguyễn Khánh đến chính phủ của Phan Huy Quát ở miền Nam lần lượt được lập ra nhưng rồi nhanh chóng giải thể vì áp lực của các phe phái chính trị. Điều đáng nói là trong sự hạ bệ các chính phủ này, có sự tham gia khá sâu rộng của tôn giáo, tiêu biểu phải kể đến hai lực lượng Công giáo và Phật giáo.

Riêng với người Công giáo sau sự kiện cuối năm 1963, họ bắt đầu dần thân vào vũ đài chính trị miền Nam theo nhiều cách như: vận động ủng hộ hay phản đối một chính thể, tham gia biểu tình, kêu gọi các lực lượng đồng minh để gia tăng sức mạnh và ảnh hưởng; công kích các phe phái, tôn giáo đối lập... Nhìn chung, hoạt động chính trị của người Công giáo thời kỳ này rất đa dạng về hình thức nhưng nổi bật vẫn là các hoạt động xuống đường biểu tình để phản đối hay ủng hộ chính phủ, đồng thời qua đó cũng bày tỏ lập trường của một số nhóm Công giáo. Các hoạt động chính trị của người Công giáo miền Nam chủ yếu diễn ra trong địa bàn khu vực Sài Gòn và vùng phụ cận. Bởi đó là trung tâm chính trị, xã hội của chính quyền Cộng hòa miền Nam. Đó cũng là nơi có đông đảo người Công giáo di cư sinh sống.

Trong thời kỳ này có một tâm lý phổ biến, ít nhất trong giới Công giáo di cư và những người đã từng ủng hộ chính quyền ông Diệm là: Họ đều nhìn nhận rằng mọi hoạt động chính trị của các chính phủ sau đảo chính 1963 và hoạt động của các nhóm phái tôn giáo chính trị khác ở thời điểm đó là nhắm tới họ. Để đối phó với tình trạng này, người Công giáo đã tìm cách ra tăng áp lực với chính quyền và các đoàn thể chính trị khác qua một loạt các sự kiện biểu tình có tính chất biểu dương lực lượng và bày tỏ những thái độ chính trị. Chẳng hạn như sự kiện đón Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình đi Rome về ngày 13/11/1963 có tới 10.000 Công giáo ở các xứ đạo khu vực Sài Gòn tham gia kéo dài quãng đường từ phi trường Tân Sơn Nhất tới Tòa giám mục. Việc này mang tính chất phô trương lực lượng hơn là việc tiếp đón lãnh tụ tôn giáo. Một cuộc tụ họp khác tại công trường Lam Sơn đúng vào dịp Phật đản diễn ra ngày 7/6/1964 có khoảng trên 35.000 người Công giáo tham dự với các biểu ngữ như: Chúng tôi chống lại âm mưu trung lập hóa thân Cộng và Cộng sản hóa miền Nam; “chúng tôi sẵn sàng đấu tranh cho đất nước và cho giáo hội” [Nguyễn Nghi, 1997: 60]. Vào năm 1965, linh mục Hoàng Quỳnh, nhân vật được cho là rất nổi tiếng trong các phong trào chính trị của người Công giáo miền Nam, có gốc di cư đã thành lập Ủy ban Trung ương Tranh đấu Công giáo do ông làm chủ tịch. Ủy ban này có nhiệm vụ nghiên cứu tình hình và ra những chỉ đạo cho các cuộc đấu tranh chính trị của người Công giáo tại Sài Gòn và những nơi khác tại miền Nam.

Do có tổ chức chặt chẽ thống nhất, nguồn lực vật chất và con người đông đảo hơn một số tổ chức tôn giáo khác nên người Công giáo miền Nam ít bị phân mảnh trong xã hội miền Nam đầy biến động với tư cách là một khối chính trị. Họ vẫn chịu sự chỉ đạo chung của Hàng giáo phẩm. Tuy tồn tại thành một số phe nhóm nhưng xét về xu hướng tổng thể, có thể nói những năm 1964-1967 hoạt động chính trị của Công giáo khá thống nhất trong một số xu hướng sau:

Thứ nhất, bảo vệ và duy trì một lập trường có tính chất quốc gia là chống Cộng sản: Việc này đã chi phối phần lớn những người Công giáo di cư từ hồi năm 1954-1955. Lý tưởng này đã hình thành lên những nhóm có tính chất cục bộ điển hình phải kể đến nhóm của linh mục Hoàng Quỳnh. Một nghiên cứu cho rằng: “Năm 1965, có hai

nhóm rất quyền lực, cả hai đều chống Cộng mạnh mẽ. Một nhóm được dẫn đầu bởi cha Hoàng Quỳnh, người đứng đầu một giáo xứ quan trọng tại Phát Diệm ở tỉnh Ninh Bình trước khi di cư. Nhóm còn lại được dẫn đầu bởi các cha Trần Đức Huỳnh và Mai Ngọc Khuê, người đứng đầu giáo xứ Bùi Chu ở tỉnh Nam Định trước 1954. Ngoài ra còn có những nhóm quy tụ các trí thức Công Giáo gắn với các tờ báo khác nhau, như *Sống Đạo* và *Hành Trình*.” [Nguyen-Marshall, 2009]. Tuy nhiên, không phải mọi thành phần Công giáo di cư đều thống nhất và ủng hộ lập trường này có thể kể đến các tên tuổi như Nguyễn Đình Đầu, Trương Bá Cần... Họ không ủng hộ xu hướng mà Linh mục Hoàng Quỳnh đang chủ trương.

Xu hướng tạo áp lực chính trị lên các chính phủ do Linh mục Quỳnh chỉ đạo chính là một động lực để hình thành ra một chuỗi cuộc biểu tình quy mô diễn ra liên tiếp giai đoạn 1964-1966. Phân tích các khẩu ngữ hay băng rôn của người Công giáo biểu tình trên nhiều trung tâm đô thị miền Nam người ta thấy có sự liên quan giữa người Công giáo biểu tình với đường lối quốc gia là chống Cộng sản của các chính phủ được lập lên đưa ra. Ví như chính phủ được dự luận cho là mềm mỏng hay yếu kém trong đường lối này, lập tức chính phủ đó sẽ bị phản ứng mạnh mẽ của giới Công giáo. Họ cần một chính phủ cứng rắn để duy trì lập trường này từ thời chế độ ông Diệm. Và hiện tình khi đó, nếu lập trường đó bị lung lay hay phai nhạt, có nghĩa là chính phủ đó đã để cho sự yếu hèn làm ảnh hưởng tới lý tưởng quốc gia. Tuy nhiên cũng cần phải nhận thấy rằng, những người Công giáo theo đuổi lập trường này đã không cập nhật kịp với tinh thần Công đồng Vatican II. Trong khi Công đồng Vatican II lúc đó đã đặt ra vấn đề đối thoại với những người không tin, trong đó có những người Cộng sản thì dường như tinh thần này chỉ lan tỏa vào một nhóm nhỏ trí thức miền Nam. Tinh thần canh tân của Công đồng Vatican II không làm lung lay lập trường của khối Công giáo di cư, họ vẫn duy trì một thái độ rất nặng nề với Cộng sản. Họ không cập nhật với những canh tân của giáo hội. Một số ý kiến cho rằng những thành phần theo đuổi lập trường phổ biến này vẫn duy trì một lối suy nghĩ cổ điển và thần học Trung cổ thời kỳ tiền Công đồng. Cách tạo ra các áp lực với chính quyền miền Nam để theo đuổi lập trường này kéo dài cho tới cuối thời

kỳ Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Bằng chứng là vào những năm 1973-1974, Linh mục Trần Hữu Thanh dòng Chúa Cứu Thế đã phát động một phong trào chống tham nhũng, phản đối Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Tuy nhiên việc chống tham nhũng của Linh mục Thanh không phải để cải thiện một tình trạng dân chủ và tiến tới một nền hòa bình mà nhiều người Việt Nam đang mong đợi. Ông chống tham nhũng, gây áp lực với Tổng thống Thiệu để xây dựng một chính quyền mạnh mẽ hơn, từ đó có thể theo đuổi lập trường chống Cộng từ thời ông Diệm [TTLTQG II, HS: 19536]

Thứ hai là đấu tranh bảo vệ tôn giáo: Xu hướng này xuất phát từ sự lên ngôi của Phật giáo sau sự kiện ngày 01/11/1963. Nhiều người Công giáo cảm thấy bị lép vế và như là đối tượng của cuộc thanh trừng. Thêm nữa, những chính phủ mới đều có nguy cơ bị lên án hay phản ứng của người Công giáo nếu như chính phủ đó thiên về ủng hộ Phật giáo. Nhiều ý kiến cho rằng, Công giáo đã thành công trong việc hạ bệ chính phủ Phan Huy Quát vì chính phủ ông Quát đã dành nhiều cảm tình cho Phật giáo. Sau những sự kiện xáo trộn từ 1963-1966, vào năm 1968 Phong trào trí thức Công giáo tại miền Nam-Pax Romana đã đưa ra một bản “đề cương” hoạt động chính trị cho phong trào này. Tài liệu dài mười bốn trang đánh máy chữ nhỏ, ngoài nội dung là định hướng cách làm chính trị cho hội viên, bản “đề cương” còn có những nhận định rất chi tiết về bối cảnh của Công giáo với chính trị tại miền Nam những năm xáo trộn 1963-1966. Ở đó cho biết, sở dĩ người Công giáo dần thân vào hoạt động này còn là nhằm bảo vệ tôn giáo của mình trước sự lớn mạnh về mặt chính trị của Phật giáo: “Ba năm vừa qua người Công giáo buộc phải hoạt động chính trị vì chế độ cũ đã qua, các lực lượng chính quyền không bảo đảm được sự tự do và quyền lợi cá nhân cũng như đoàn thể, vì Phật giáo nắm uy thế thao túng cuộc sống toàn dân, nên đoàn thể Công giáo buộc phải nhảy vào chính trị” [TTLTQG II, HS: 4140].

Bản “đề cương” cũng tổng kết lại rất sát những hoạt động chính trị của người Công giáo miền Nam những năm xáo trộn này. Bản đề cương cho rằng hoạt động chính trị của người Công giáo miền Nam thời kỳ này có một số đặc điểm chính sau:

Chính trị giáo sĩ: Muốn nói tới mọi hoạt động chính trị của Công giáo từ Trung ương đến địa phương đều do linh mục khởi xướng và dẫn dắt. Giáo dân vì sợ hoặc thiếu kinh nghiệm và đường lối chỉ biết vâng theo. Hầu hết các linh mục không có kinh nghiệm chính trị, chỉ trừ một vài người đã có kinh nghiệm chính trị thời họ còn ở Phát Diệm và Vinh trước khi di cư vào Nam. Nhưng kinh nghiệm của họ là tự vệ hơn là một hiểu biết về chính trị có tính chất tổng quát [TTLTQG II, HS: 4140].

Chính trị tùy hứng, tự vệ tiêu cực: Người Công giáo chỉ hoạt động lúc quyền lợi của Giáo hội hay của cá nhân bị xúc phạm. Nghĩa là bên vực quyền lợi hơn là nhắm tới phục vụ Tổ quốc, phục vụ dân tộc [TTLTQG II, HS: 4140].

Chính trị không chuyên nghiệp: Nhận định của nhóm trí thức Công giáo này thông qua bản “đề cương” cho rằng đó là: Một dạng hoạt động chính trị có tính chất không chuyên nghiệp. Vì không có đường hướng, không tổ chức, không có cơ quan truyền bá ngôn luận. Các hoạt động chính trị của Công giáo thời kỳ này được cho là: “Mạnh ai người ấy làm, thường là giáo sĩ và giáo dân di cư. Họ lại mang theo vào Nam những chia rẽ cố hữu ngoài Bắc. Nên mọi hoạt động có tính chất lẻ tẻ, rời rạc, chia rẽ... Các giám mục không chỉ ra đường lối nào rõ rệt.” [TTLTQG II, HS: 4140]. Thực ra, nhận định của nhóm trí thức này về Hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam với việc định hướng chính trị cho quần chúng giáo dân chưa thật chuẩn xác. Vì trên thực tế, sau một loạt các biểu tình của người Công giáo những năm 1963-1966 với sự tham gia của nhiều linh mục dẫn đầu các phong trào, Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình đã có những chỉ đạo về việc giáo sĩ nên rút lui vào hậu trường, không nên trực tiếp tham gia vào các hành động chính trị mà chỉ tham góp với vai trò tư vấn. Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình là người rất bình tĩnh và sáng suốt mới có thể giữ được đại cục của cộng đồng Công giáo miền Nam kể từ sau 1963. Tháng 8/1963 khi mâu thuẫn Công giáo và Phật giáo căng thẳng, Tổng Giám mục Sài Gòn đã ra Thư luận lưu để kêu gọi hòa bình và giữ tinh thần đoàn kết. Giám mục đã cập nhật tinh thần mới nhất của Giáo hoàng Gioan XXIII về vấn đề hòa bình [TTLTQG II, HS:1825]. Sau này vào mùa xuân 1975, chính Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình đã dựa trên tinh thần hòa giải hòa nhập, canh tân và

sự nhạy cảm, tài năng cá nhân để kêu gọi người giáo dân hãy ở lại mà không di tản như hồi mùa hè hai mươi một năm về trước.

Chính trị tư lợi: “Vì hoạt động do tùy hứng, thiếu đường hướng, nên có người, tuy ít nhưng ranh mãnh chỉ hăng hái hoạt động để câu lợi. Do đó họ chỉ hăng hái lúc hữu lợi, lúc bình thường không còn thấy bóng dáng họ nữa. Và cũng do đó, thường họ có ý kiến tâm tình và hành động không mấy thích hợp với ý chí Phúc Âm” [TTLTQG II, HS: 4140].

Chính trị chia rẽ: Muốn nói tới nhiều người Công giáo chỉ lo bênh vực quyền lợi của giáo hội đã gây ra mối chia rẽ với chính quyền, với các tôn giáo khác nhất là Phật giáo và đánh mất sự thiện cảm của nhiều quần chúng nhân dân khác. [TTLTQG II, HS: 4140]

Nhìn chung, nhận định trên của nhóm trí thức Công giáo có thể có những yếu tố chủ quan nhưng ít nhiều cũng phản ánh hoạt động chính trị của người Công giáo miền Nam những năm 1963-1967 tồn tại nhiều khiếm khuyết. Bởi vậy họ cũng đề ra những cương lĩnh và chương trình hành động cho riêng nhóm và muốn lan tỏa tới nhiều người Công giáo khác về một cách làm chính trị gắn với dân chủ, tiến bộ và có sự suy xét từ nền tảng đức tin. Lập trường của nhóm Pax Romana này có tính chất trung lập. Họ cũng không phản ứng mạnh mẽ với những hoạt động của nhóm trí thức Công giáo cấp tiến về những hoạt động có tính chất thân Cộng của họ [TTLTQG II, HS: 3533].

Từ năm cuối năm 1966 khi chiến tranh leo thang tại Việt Nam, sự can thiệp quân sự của Mỹ vào miền Nam ngày càng sâu rộng, người dân hai miền lâm vào cảnh huynh đệ tương tàn, tham chiến cho chế độ Mỹ dựng lên... đã đánh thức trong lòng giáo hội Công giáo miền Nam những khuynh hướng mới, đó là quan điểm về hòa bình. Tất nhiên đa phần quan điểm về hòa bình vẫn dựa trên lập trường không thương thuyết và nhượng bộ với Cộng sản. Dù vậy đã có một nhóm rất nhỏ trong lòng giáo hội khởi phát từ quan điểm này và cho thấy họ có cái nhìn mới và canh tân hơn so với đa số những người theo đuổi lập trường đối lập với Cộng sản. Đó chính là nhóm trí thức Công giáo miền Nam. Nhóm này còn được gọi là nhóm trí thức Công giáo cấp tiến.

Đến năm 1968 theo nhận định của Tổng nha Cảnh sát Quốc gia Sài Gòn thì khối Công giáo miền Nam trong giai đoạn 1963-1967 đã chia làm bốn nhóm có khuynh hướng khác biệt về vấn đề hòa bình ở Việt Nam, đó là:

Nhóm của Linh mục Trần Du. Nhóm này có ảnh hưởng mạnh mẽ vì có lực lượng đông đảo người Công giáo di cư ủng hộ. Nhóm này bất mãn với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Nhóm tiếp theo là nhóm Linh mục Hoàng Quỳnh, người rất có ảnh hưởng trong giới Công giáo di cư những năm 1963-1966. Tuy nhiên, đến thời điểm 1968 uy tín của linh mục này với các thành phần ủng hộ ông đã bị suy giảm do có mối liên lạc mật thiết với Phật giáo, vốn là một đối thủ chính trị của Công giáo trong diễn đàn chính trị miền Nam.

Nhóm thứ ba là nhóm của Linh mục Hồ Văn Vui, chủ yếu ảnh hưởng trong giới Công giáo gốc miền Nam, với lực lượng ủng hộ yếu hơn hai nhóm kia và cũng không có thiện cảm với hai nhóm trên. Nhóm này không có ảnh hưởng lớn mạnh trong giới Công giáo miền Nam. Nhóm Công giáo miền Nam này có xu hướng trung lập, ít phản ứng với chính quyền, cũng không ủng hộ với hai nhóm của linh mục Quỳnh và Du vì cho rằng họ giữ một lập trường có phần tiêu cực, chậm cải tiến theo tinh thần Công đồng và vẫn giữ định kiến nặng nề với Cộng sản.

Nhóm cuối là nhóm trí thức Công giáo cấp tiến [TTLTQG II, HS: 4134]. Nhóm này có tư tưởng canh tân theo tinh thần mới nhất của giáo hội hoàn vũ về chính trị và hòa bình, và muốn áp dụng nó vào thực tại miền Nam nên còn được gọi là nhóm “cấp tiến”. Thực ra tính từ “cấp tiến” là những người thiện cảm với nhóm này vẫn gọi. Tinh thần Vatican II được nhóm này cập nhật và triển khai tại môi trường miền Nam nên đã có ý thức đối thoại với người Cộng sản. Nhưng cũng chính vì tư tưởng này mà nhóm trí thức Công giáo cấp tiến bị những nhóm Công giáo khác chỉ trích với các tên như “thành phần thân Cộng”, nhóm “ngụy hòa”...

Nhận xét

1. Hoạt động chính trị của người Công giáo miền Nam những năm 1963-1967 bị chi phối bởi nhiều yếu tố ngoại cảnh. Điều dễ nhận thấy là những hoạt động chính trị của người Công giáo được đặt trong một

cuộc chiến tranh lớn hơn về mặt ý thức hệ giữa hai khối Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc chiến tranh này có cả yếu tố tâm lý bị kích động và lôi kéo vào đó là ý thức vô thần-cộng sản và hữu thần-tôn giáo. Nhiều người Công giáo miền Nam khi đó không đủ năng lực, trình độ và thẩm quyền để thoát ra sự nhận thức chung của giáo hội chi phối họ, cũng như không thoát ra khỏi cuộc xung đột ý thức hệ này. Họ đã dần thân vào chính trị với lý tưởng bảo vệ tự do tôn giáo và mong mỏi về một sự lớn mạnh của tôn giáo nhờ tìm kiếm một trợ lực chính trị bảo trợ cho việc này.

2. Các hoạt động chính trị của người Công giáo miền Nam giai đoạn này cho thấy có nhiều tính tự do, tự phát, tự vệ mà không dựa trên nền tảng tôn giáo để xem xét. Bởi vậy người ta sẽ thấy thiếu một tinh thần Phúc Âm làm chỗ dựa cho những hoạt động này. Chính điều đó đã làm cho phong trào chính trị của người Công giáo không thuần nhất, thiếu tính liên kết và hình thành nhiều nhóm phái với những đường hướng canh tân và bảo thủ khác nhau. Xu hướng canh tân tuy nhỏ nhưng đã dựa vào những đổi mới của giáo hội để hành động. Xu hướng bảo thủ muốn níu kéo những vinh quang của quá khứ trong một bối cảnh xã hội đã đổi thay. Bởi vậy hoạt động chính trị của người Công giáo giai đoạn 1963-1967 không thuần nhất và thiếu liên kết. Dù vậy người Công giáo đã tạo ra những áp lực không nhỏ đối với nội bộ chính trị miền Nam nhất là áp lực với chính phủ qua các cuộc biểu tình và bầu cử.

3. Trong các hoạt động chính trị của người Công giáo miền Nam giai đoạn này, người ta không thể đánh đồng cho tất cả mọi thành phần cư dân Công giáo vào một lập trường hay chung một lựa chọn. Sự hoạt động ồn ào, nổi trội, tạo thanh thế và ảnh hưởng trong giai đoạn này chủ yếu vẫn là khối Công giáo di cư gốc Bắc. Họ vẫn giữ trong mình nhiều tâm lý, lối sống, cách nghĩ và thói quen chính trị từ hồi kháng chiến chống thực dân Pháp. Bởi vậy có thể nói, những hoạt động giành, nắm giữ quyền lực, tạo ra ảnh hưởng tới chính thể và các đoàn thể xã hội khác của người Công giáo miền Nam 1963-1967 phần lớn vẫn là những tư duy chính trị của Công giáo Bắc được thực hiện trên mảnh đất miền Nam.

4. Nhìn lại những năm xáo trộn từ 1963-1967 cho thấy Công giáo cũng như Phật giáo đã trở thành một lực lượng chính trị quan trọng có

thể gây ra những áp lực và dư luận đối với chính phủ miền Nam. Sức mạnh và ảnh hưởng của các tôn giáo đặt ra cho các chính khách chính trị tại miền Nam khi đó trong việc tìm những cơ hội để tạo ra hậu thuẫn cho mình nếu biết sử dụng những lực lượng chính trị tôn giáo này. Thời kỳ này người ta cũng chứng kiến nhiều các tổ chức chính trị của người Công giáo tập hợp giáo dân theo các mục tiêu động cơ khác nhau. Cũng từ đó xuất hiện sự phân hóa trong phong trào chính trị của người Công giáo miền Nam. Bên cạnh những ồn ào và duy trì theo đuổi một lập trường chống Cộng từ thời ông Diệm, đã xuất hiện những nhóm canh tân mới theo tinh thần Công đồng Vatican II./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Nghị (1997): *Công giáo Sài Gòn giai đoạn 1954-1975*. Tài liệu chưa xuất bản.
2. Nguyen-Marshall, V. (2009). “Tools of Empire? Vietnamese Catholics in South Vietnam”, *Journal of the Canadian Historical Association*, 20 (2), 138–159. Bản dịch tiếng Lê Văn Luận. Nguồn: <https://nghiencuuquocte.org/tag/le-van-luan/>
3. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II: *Sổ các làng định cư do Văn phòng Ủy ban Hỗ trợ định cư lập, tháng 10/1955*. Trong Tập tài liệu của Phủ Tổng ủy di cư tị nạn nhà định cư và thống kê dân số tại các trại định cư Nam Việt, Trung Việt, Cao nguyên miền Nam năm 1955-1956. Hồ sơ số 4410, phòng Đệ nhất Cộng Hòa.
4. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Hồ sơ về hoạt động của Nha tuyên úy quân đội Việt Nam Cộng Hòa 1960-1963*; Hồ sơ số: 21763; phòng Phủ Thủ tướng, Đệ nhất Cộng Hòa.
5. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II: *Tập tài liệu của Văn phòng Phủ tổng thống về những buổi lễ cầu nguyện được tổ chức đồng thời tại nhà thờ Đức Bà, Chùa Phật giáo, Nhà Thờ Tin Lành những năm 1956-1963*; Hồ sơ số: 17906; phòng Phủ Tổng thống, Đệ nhất Cộng Hòa.
6. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Người trí thức Công giáo trước tình hình giáo hội và Tổ quốc Việt Nam*. Hồ sơ số 4140, phòng Đệ nhị Cộng Hòa.
7. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Hồ sơ về việc tịch thu tài sản của Ngô Đình Diệm và các thuộc hạ năm 1963. Tập 15: Tịch thu tài sản của Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Thục*. Hồ sơ số 28551; hộp số 23; phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa.
8. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Thư luân lưu của Đức cha Nguyễn Văn Bình đọc tại nhà thờ Chính tòa Sài Gòn ngày 18/08/1963*. Trong tập Hồ sơ về hoạt động chính trị của các tổ chức tôn giáo năm 1957-1963; Hồ sơ số 21825, phòng Đệ nhất Cộng Hòa.

9. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Phóng vấn chủ tịch Phong trào Trí thức Công giáo Pax Romana về: Các hoạt động chính trị của một số linh mục cấp tiến ở Việt Nam*. Tài liệu số 3533.
10. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, *Báo cáo mật của Tổng giám đốc cảnh sát quốc gia ngày 8/11/1968 gửi Tổng trưởng Nội vụ Sài Gòn về lập trường chính trị của khối Công giáo Việt Nam trong giai đoạn hiện tại*. Hồ sơ số 4134, phòng Đề nghị Cộng Hòa.
11. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Cuộc mít tinh chống tham nhũng do Linh mục Trần Hữu Thanh tổ chức tại Huế ngày 8/9/1974*; Hồ sơ số 19536; phòng Phủ Thủ tướng
12. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II (2017), *Tuyển tập đề tài khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Tập 2*. Nxb. Giao thông Vận tải, Hà Nội.

Abstract

AN OUTLINE OF CATHOLICS' POLITICAL ACTIVITIES IN THE SOUTH VIETNAM DURING THE PERIOD FROM 1963 TO 1967

Ngô Quốc Đông

Institute for Religious Studies, VASS

This article examines the political activities of Catholics in Southern Vietnam during the period from late 1963 to early 1967. The article is divided into two parts. The first part presents the origins of Catholic political actions in the period 1963-1967. The collapse of Ngo Dinh Diem's government in late 1963 led to a crisis among many Catholics of Northern origin. That crisis led them to act and participate in politics in self-defense and also to hold on to what was lost during the First Republic in the South. The second part presents some trends and ways in which Catholics were involved in politics. Through archival data, secondary documents, and by approaching the history of religion, the article shows interesting details about particular events. Thereby the reader will better understand the limitations, motives, and consequences of Catholics' political participation during a special historical period with many upheavals.

Keywords: Catholicism; politics; South; Vietnam; 1963-1967.